

Số: 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, sửa đổi bổ sung năm 2024;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn;

Căn cứ thực tiễn hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm:

- Cập nhật các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán đã được Nhà nước ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung trong năm 2024 và năm 2025;
- Điều chỉnh một số quy định để phù hợp với tình hình thực tế thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật, từ Tổng giám đốc sang Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được thể hiện tại các phụ lục đính kèm Tờ trình này, bao gồm:

- Phụ lục 1: Bảng so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Phụ lục 2: Bảng so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hai phụ lục nêu trên là bộ phận không tách rời của Tờ trình này.

3. Tổ chức thực hiện

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Tổ chức hoàn thiện và ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được sửa đổi, bổ sung;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật;
- Rà soát, hiệu chỉnh các nội dung mang tính kỹ thuật, cách đánh số điều khoản và các nội dung liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản sau khi được thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Anh Dũng

PHỤ LỤC 1

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
1.	Điểm b khoản 1 Điều 1	“Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ;	Sửa đổi cách dẫn chiếu đến văn bản pháp luật, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung, nhằm bảo đảm khi pháp luật được cập nhật thì Điều lệ không cần thiết phải sửa đổi lại nội dung này.
2.	Điểm c khoản 1 Điều 1	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ.	
3.	Điểm a khoản 3 Điều 2	Trụ sở đăng ký của Công ty là: a. Địa chỉ: 08 Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	Trụ sở đăng ký của Công ty là: a. Địa chỉ: 08 Hoàng Hoa Thám, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.	Cập nhật theo địa giới hành chính mới.
4.	Khoản 2 Điều 3	2. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Hội đồng quản trị sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về số lượng, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ	2. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật, chức danh là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc theo Quyết định của HĐQT. Công ty có thể thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.”. Do đó, Điều lệ cần xác định rõ số lượng người đại diện theo pháp luật và chức danh của người

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		thẻ quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Mỗi người chịu đại diện theo pháp luật có quyền, nghĩa vụ thuộc lĩnh vực nào thì sẽ là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba của lĩnh vực đó, phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp ở quyền và nghĩa vụ tương ứng theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.		đại diện theo pháp luật của Công ty. Tuy nhiên, để tăng cường tính linh hoạt trong quản trị, Điều lệ có thể trao quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh chức danh của người đại diện pháp luật khi cần thiết, không cần qua khâu xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.
5.	Khoản 3 Điều 3	3. Người đại diện theo pháp luật được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng	3. Người đại diện theo pháp luật thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch và	Thuật ngữ “ <i>hợp đồng tài chính và thương mại</i> ”

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.	thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	chưa bao quát đầy đủ các loại hợp đồng, giao dịch của Công ty. Bên cạnh đó, quyền của người đại diện pháp luật cần quy định theo hướng khái quát hơn.
6.	Điều 7	<p>Điều 7. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần</p>	<p>Điều 7. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phần của Công ty được xác nhận bằng cổ phiếu. Cổ phiếu có thể tồn tại dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc xác nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của tổ chức lưu ký chứng khoán (nếu có).</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới dạng chứng chỉ và bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu nhưng cần xuất trình các bằng chứng (hoặc cam kết) về</p>	<p>Quy định hiện hành xây dựng theo mô hình cấp chứng chỉ cổ phiếu bằng giấy, phù hợp với công ty cổ phần thông thường. Trong khi đó, với công ty đại chúng, cơ chế xác nhận quyền sở hữu cổ phần của công ty đại chúng thông qua hệ thống lưu ký chứng khoán và dữ liệu điện tử.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	việc mất, hỏng... và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	
7.	Điều 10	Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	Điều 10. Thanh toán cổ phần đăng ký mua (tại thời điểm thành lập doanh nghiệp) 1. Cổ đông phải thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Trường hợp cổ đông không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn quy định, cổ đông đó không còn là cổ đông đối với số cổ phần chưa thanh toán và không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần đó. 3. Số cổ phần chưa được thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền bán theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Các thuật ngữ như “thu hồi cổ phần”, “từ bỏ tư cách cổ đông”, “cưỡng chế thanh toán” không còn phù hợp với quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Do đó, cần cập nhật quy định về thanh toán cổ phần đăng ký mua để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản năm do Ngân hàng nhà nước áp dụng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai</p>		

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		sốt hoặc bắt cần trong việc gửi thông báo.		
8.	Khoản 1 Điều 21	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 21, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (bao gồm cổ đông tự mình biểu quyết hoặc thông qua đại diện được ủy quyền).	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 21, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (bao gồm cổ đông tự mình biểu quyết hoặc thông qua đại diện được ủy quyền).	Sửa đổi để phù hợp khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 được sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 01/03/2022
9.	Khoản 2 Điều 21	2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty; hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm n, o, p, q Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ	2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty; hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm n, o, p, q Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này: được thông qua khi có từ	Sửa đổi để phù hợp khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 được sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		này: được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	65% trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022.
10.	Khoản 1 Điều 26	Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Sửa đổi để phù hợp khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
11.	Điểm c Khoản 4 Điều 27	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trừ trường hợp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh và các hợp đồng giao dịch khác). có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;	c. Trừ trường hợp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và chấm dứt các hợp đồng, giao dịch của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;	Chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý (“hủy bỏ” thay thế bằng “chấm dứt”; khái quát chung các “hợp đồng, giao dịch”, không cần thiết theo hướng liệt kê).



STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
12.	Điểm 1 Khoản 4 Điều 27	Chưa có	1. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, và trừ các trường hợp đã được Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc phân cấp cho Người đại diện theo pháp luật theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư, ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch, cũng như việc mua, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.	Bổ sung nguyên tắc xác định thẩm quyền của Hội đồng quản trị đối với các giao dịch, hợp đồng và quyết định đầu tư có giá trị dưới 35% tổng tài sản, đồng thời làm rõ trường hợp đã được phân cấp cho Người đại diện theo pháp luật.
13.	Khoản 4 Điều 29	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Sử dụng thuật ngữ “ <i>hợp đồng tài chính và thương mại</i> ” chưa bao quát đầy đủ các loại hợp đồng, giao dịch của Công ty. Ngoài việc nhận ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị còn có các quyền khác theo pháp luật và Điều lệ.
14.	Khoản 4 Điều 39	4. Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 5 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng	4. Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 5 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị,	Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp được cho phép theo Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp được cho phép theo Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP) và trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Anh Dũng

PHỤ LỤC 2

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
1.	Khoản 1 Điều 2	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”).	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”).	Cập nhật các căn cứ pháp lý theo quy định mới.
2.	Khoản 2 Điều 2	2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (gọi tắt là “Luật Chứng khoán”).	2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ (gọi tắt là “Luật Chứng khoán”).	
3.	Khoản 3 Điều 2	3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.	
4.	Khoản 5 Điều 2	5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.	5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.	
5.	Điểm d khoản 1 Điều 8	d. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị trên 05 của công ty khác.	Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Sửa đổi để phù hợp khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
				đổi bởi khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
6.	Điểm b Khoản 4 Điều 12	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>b. Trừ trường hợp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020; Điểm b Khoản 3 Điều 293 và Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, đầu tư công ty, liên doanh và các hợp đồng giao dịch khác); có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;</p>	<p>b. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và chấm dứt các hợp đồng, giao dịch của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.</p>	Quy định hiện tại dẫn chiếu và liệt kê cụ thể nhiều điều khoản của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán. Cách quy định này có thể dẫn đến việc phải thường xuyên cập nhật khi các văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, thuật ngữ “hủy bỏ” không bao trùm được tất cả các trường hợp chấm dứt hợp đồng.
7.	Điểm j Khoản 4 Điều 12	<p>j. Trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	<p>Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, và trừ các trường hợp đã được Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc phân cấp cho Người đại diện theo pháp luật theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư, ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch, cũng như việc mua, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài</p>	Bổ sung các giao dịch nói chung có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ những trường hợp đã phân cấp cho Người đại diện theo pháp luật.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.	
8.	Khoản 7 Điều 12	<p>7. Các trường hợp ủy quyền của HĐQT cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. HĐQT ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điểm c Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty, Điểm b Khoản 4 Điều 12 Quy chế này và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp, bằng Quy chế này, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán và các hợp đồng giao dịch khác) có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty. Các hợp đồng vay, cho vay, sáp nhập, thấu tóm công ty và liên doanh đều do Hội đồng quản trị phê duyệt theo thẩm quyền và số sự giám sát của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty và</p>	<p>7. Các trường hợp ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch và thực hiện các công việc khác theo phân quyền của Hội đồng quản trị tại Quy chế này và các Nghị quyết, quyết định cụ thể;</p> <p>b. Trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bằng Quy chế này, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật ký kết, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt các hợp đồng, giao dịch của Công ty có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty (trừ các giao dịch thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản này). Điều khoản này loại trừ: các hợp đồng vay, cho vay, sáp nhập, thấu tóm công ty, liên doanh và các giao dịch liên quan đến các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty vẫn phải thông qua phê duyệt của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân quyền cho Người đại diện theo pháp luật phê duyệt các khoản đầu tư không</p>	<p>Điều khoản hiện tại có cách quy định không rõ ràng, chồng chéo về thẩm quyền. Đồng thời cách diễn đạt theo hướng liệt kê các điều khoản không bao quát được hết các trường hợp và phải liên tục bổ sung khi pháp luật có thay đổi.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>Điểm d Khoản 4 Điều 12 Quy chế này, Hội đồng quản trị phân quyền cho Người đại diện theo pháp luật phê duyệt các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được phê duyệt với giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>d. Trong phạm vi quy định tại Điểm j Khoản 4 Điều 12 Quy chế này, Hội đồng quản trị phân quyền cho Người đại diện theo pháp luật quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị còn lại không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e. Trong phạm vi quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 12 Quy chế này, các hợp đồng và giao dịch đối với các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và có sự giám sát của Ban kiểm soát.</p>	<p>nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được phê duyệt, với giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>d. Trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân quyền cho Người đại diện theo pháp luật quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị còn lại không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

